

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:122/2017/HS-ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Thanh Bình;

- Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2017/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 119/2017/HSST- QĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Dương Xuân P, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xóm V, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ Dương Văn N, mẹ đẻ Dương Thị Hồng V; vợ là Bùi Thị Ngọc A và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2017 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Anh Ngô Quang K, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 và anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1984; đều cư trú: 38 Hùng Vương, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm V, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Dương Xuân P bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/4/2017, Dương Xuân P đang ở nhà nghỉ Hoàng Hôn ở Trại Thủy, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thì nhận được điện thoại của Ngô Quang K gọi điện rủ P đi cắt tóc, P đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, K đi xe máy BKS 88K1: 261.98 đến đón P ở nhà nghỉ Hoàng Hôn, sau đó K chở P đến quán cắt tóc Tony Thực ở số 60 đường Tôn Đức Thắng, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để cắt tóc. Trên đường đi P nảy sinh ý định mượn xe máy của K để đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân và nhờ xe máy của vợ P đem cầm trước đó. Khi K chở P đến quán cắt tóc, K dựng xe máy ở ngoài vào ngồi lên ghế chuẩn bị để cắt tóc, lúc này P nói với K “cho anh mượn xe máy ra đón bạn tỳ”, K đồng ý và đưa chìa khóa xe máy cho P. Sau khi mượn được xe máy của K, P điều khiển xe máy đi về nhà nghỉ Hoàng Hôn đón bạn tên là Nguyễn Văn G. Sau đó P đèo G đi thẳng đến cửa hàng mua bán xe máy cũ mới Tùng Lâm ở số 40, đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên gặp chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Ngọc H là chủ cửa hàng. Tại cửa hàng, P là người trao đổi trực tiếp với chị H, P nói muốn cầm cố chiếc xe máy BKS: 88K1 – 261.98 nhãn hiệu Honda SH với giá 20.000.000đ, chị H đồng ý cho cầm cố nhưng yêu cầu P phải viết giấy bán xe theo mẫu của cửa hàng. Sau khi viết giấy xong chị H đưa cho P 20.000.000đ, P đưa 15.000.000đ để P nhờ lại chiếc xe máy BKS: 88B1-055.18 của vợ P là chị Bùi Thị Ngọc A mà P đã cầm trước đó, còn lại 5.000.000đ P và G đi tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 8/4/2017, P điện thoại cho anh H nhờ kiểm tra trong cốp xe có tài sản gì không, anh H mở ra kiểm tra thì thấy có đăng ký xe và một số giấy tờ tùy thân mang tên Ngô Thị T và thông báo cho P biết trong cốp xe có giấy tờ xe máy, P nghĩ có đầy đủ giấy tờ thì bán xe được thêm tiền, nên P đã quay lại cửa hàng gặp anh H và chị H, P nói với chị H “cho em lấy thêm 30.000.000đ”, chị H đồng ý và bảo P huỷ giấy bán xe ngày 06/4/2017, sau đó viết 01 giấy bán xe mới có nội dung P bán xe cho anh Vũ Ngọc H với giá 50.000.000đ. Sau khi viết xong chị H đưa cho P 30.000.000đ, P cầm tiền đi về và cùng G tiêu sài hết số tiền trên. Sau khi cho P mượn xe máy đến khoảng 18 giờ cùng ngày anh K cắt tóc xong không thấy P về trả xe máy có điện thoại P nói

“chờ anh tí”, K tiếp tục ngồi chờ được một lúc sau thì P nhắn tin nói “anh xin lỗi, anh cầm xe của mày rồi, đợi một, hai hôm nữa anh nhờ ra cho”. Ngày 07/4/2017 anh K tiếp tục điện đòi xe nhưng P tắt máy không liên lạc được. Sau đó anh K đã đến Công an phường Khai Quang trình báo.

Đến ngày 20/4/2017, biết anh K đã trình báo Công an nên P và vợ là chị Bùi Thị Ngọc A đem 50.000.000đ đến cửa hàng mua bán xe máy Tùng Lâm chuộc lại của anh H, chị H chiếc xe máy trên rồi giao nộp cho Công an thành phố Vĩnh Yên gồm: 01 xe máy BKS: 88K1 – 261.98, nhãn hiệu Honda SH màu đỏ đen; 01 ví giả da màu xanh; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Ngô Thị T.

Tại bản Kết luận số 69 ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên, kết luận trị giá chiếc xe máy trên là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Đối với chiếc xe máy BKS: 88K1 –261.98, quá trình điều tra xác định: Xe chính chủ là của chị Ngô Thị T em gái anh Ngô Quang K. Ngày 12/7/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại anh K chiếc xe máy BKS: 88K1 –261.98 cùng toàn bộ giấy tờ nêu trên. Sau khi nhận lại tài sản anh K và chị T không có yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho P.

Đối với anh Nguyễn Văn G, theo lời khai của P, G là người đi cầm xe máy của K cùng P và số tiền cầm xe máy và bán xe máy có được P cho G tiêu sài cùng. Quá trình điều tra, xác minh G không có mặt ở địa phương, chưa lấy được lời khai của G, ngoài lời khai của P ra không có tài liệu chứng cứ nào để khẳng định G biết rõ là P chiếm đoạt xe máy bán lấy tiền G và P cùng nhau chi tiêu. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Vũ Ngọc H và chị Nguyễn Thị Thu H là người nhận cầm và mua xe máy mà P lừa của anh K, nhưng trong quá trình mua bán P không nói cho anh H và chị H biết về nguồn gốc xe máy do P lừa của anh K mà có. Anh H và chị H cũng không biết xe máy là tài sản do H phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Cáo trạng số: 118/KSĐT-KT ngày 15/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Dương Xuân P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Xuân P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Xuân P từ 18 đến 24 tháng tù. Ngoài ra còn đề nghị xác nhận bồi thường dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo Dương Xuân P tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 06/4/2017, tại quán cắt tóc Tony Thực số 60 đường Tôn Đức Thắng, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Dương Xuân P đã có hành vi gian dối, lừa mượn chiếc xe máy BKS: 88K1 – 261.98 của anh Ngô Quang K có trị giá 55.000.000đ để đem đi bán lấy tiền tiêu sài dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh K.

Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Xuân P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 đến 07 năm tù.

Xét tính chất của vụ án nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Dương Xuân P là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính mà lại dùng thủ đoạn gian dối để lừa người khác cho mượn xe để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Do bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự để xử dưới khung hình phạt mà điều luật quy định cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục sớm trở về gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nay không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Xuân P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Dương Xuân P 01 (một) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 04/7/2017.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Xuân P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại địa P nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

